

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

VỀ VIỆC CHUẨN HOÁ CHÍNH TẢ TỪ NƯỚC NGOÀI TRÊN BÁO *HÀ NỘI MỚI*

NGUYỄN THỊ KIM LOAN
(Viện Ngôn ngữ học)

I. Mở đầu

Chuẩn hóa chính tả tiếng Việt, trong đó vấn đề về nguyên tắc xử lý mảng từ ngữ nước ngoài được du nhập vào tiếng Việt trong sách vở và trên các phương tiện truyền thông đại chúng, từ bấy lâu đã là mối quan tâm, thậm chí nhiều khi trở thành nỗi bức xúc của không ít người trong và ngoài ngành ngôn ngữ học.

Liệu có thể được hay không khi người ta cứ cố gắng đưa ra những giải pháp để chuẩn hóa chính tả từ ngữ nước ngoài mà tình trạng không thống nhất trong cách viết, cách đọc vẫn lan tràn trong những ấn phẩm sách báo? Vì sao lại như vậy?

Tìm hiểu vấn đề này qua cứ liệu báo “*Hà nội mới*” trong suốt quá trình từ khi thành lập đến nay sẽ phần nào giúp cho thấy thực tế mâu thuẫn giữa mong muốn đạt đến sự thống nhất cái *chuẩn* với cái hiện thực luôn nằm ngoài mong muốn. Thực tế đó một mặt nảy sinh từ sự không thống nhất trong quan điểm xử lý, mặt khác, chính quan điểm xử lý, lại chịu tác động bởi những thay đổi xuất phát từ những biến động xã hội, trong đó những yếu tố chính trị, kinh tế, văn hóa, với tư cách là các biến độc lập, cũng là những tác nhân mạnh mẽ gây khó khăn cho việc chuẩn hóa. Hơn nữa, khi tính pháp quy trong *chuẩn hóa* chưa được triển khai ở mọi cấp, mọi lĩnh vực thì vấn đề thuộc phạm trù ngôn ngữ-xã hội này lại bị chi phối từ phía chủ quan của lực lượng không thuần nhất về vị trí công tác và trình độ của những người làm báo, hay chính xác hơn, là những người tham gia vào việc hình thành nên bất cứ một số báo nào đó. Họ có thể là các nhà báo chuyên nghiệp, làm việc chính thức tại tòa báo, lại có thể là các cộng tác viên, hay chỉ là những người đưa thông

tin-quảng cáo..., là những thế hệ kế tiếp nhau trong suốt quá trình tồn tại của tờ báo.

Sự không thuần nhất ở lực lượng làm báo là hiển nhiên, nhưng đó là một hiện thực đáng quan tâm. Vì lẽ, các tin, bài trên báo do nhiều nguồn, nhiều người cung cấp. Đi từ những suy xét giản đơn, hẳn sẽ không mấy khó khăn để nhận định rằng, những thao tác xử lý trong từng tin, bài, cụ thể như vấn đề cách viết các từ ngữ nước ngoài sẽ khó có thể thống nhất.

II. Vấn đề chính tả từ nước ngoài

1. Vài nét về chính tả từ nước ngoài trong tiếng Việt

Có thể thấy, các từ nước ngoài đi vào tiếng Việt theo một tiến trình nhập hệ khá phức tạp của những xu hướng du nhập. Trước hết, đó là cách thông qua một ngôn ngữ trung gian (tiếng Hán), rồi lại dịch nghĩa nếu các từ hay các thành tố trong từ có nghĩa. Mặt khác, chúng lại được tiếp nhận bằng phương cách phiên chuyển sang tiếng Việt trực tiếp từ ngôn ngữ gốc. Song song với đó là xu hướng để nguyên dạng. Xu hướng này dường như càng về sau càng có cơ phát triển trước xu thế hội nhập của đất nước trong nhiều lĩnh vực, mà nổi rõ nhất là lĩnh vực kinh tế và văn hóa.

Bản về vấn đề chính tả đối với các từ nước ngoài khi đi vào tiếng Việt, và xa hơn là tiến tới việc chuẩn hóa hình thức chính tả của chúng, trước nay các nhà nghiên cứu thường chỉ quan tâm đến hình thức, tức sự chuyển đổi cơ cấu ngữ âm của ngôn ngữ gốc sang ngôn ngữ đích.

Song, như đã biết, *chuẩn* là một phạm trù *ngôn ngữ-xã hội*, mà công việc *chuẩn hóa* liên quan mật thiết đến môi trường xã hội với những thay đổi của nó, trong đó những thay đổi về, xã hội, văn hóa chính là những tác

nhân chi phối đáng kể đối với quá trình chuẩn hóa này.

Cũng giống như các diện được chuẩn hóa khác của ngôn ngữ, công việc chuẩn hóa chính tả ở Việt Nam một phần được thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng. Báo chí là một trong những phương tiện phản ánh khá bao quát và rõ nét thực trạng của công tác chuẩn hóa này qua từng giai đoạn.

2. Chính tả từ nước ngoài trên báo “Hà nội mới”

2.1. Xu thế xử lí

Để tìm hiểu về vấn đề chuẩn hóa chính tả từ nước ngoài ở báo “Hà nội mới” diễn ra trong cả một quá trình dài (kể từ khi tờ báo được thành lập là năm 1957 cho đến năm 2005) là gần 50 năm, chúng tôi đã thu thập tư liệu trên tờ báo theo các mốc thời gian có trình tự như sau: 1957, 1965, 1975, 1985, 1995, và 2005, rồi sau đó xem xét, thống kê, phân loại, so sánh để làm rõ thực trạng chính tả và xu hướng xử lí các từ nước ngoài của tờ báo.

Các con số phân tích số liệu thống kê hình thức chính tả từ nước ngoài trên báo “Hà nội mới” cho ta thấy có sự thay đổi trong cách nghĩ về vấn đề chuẩn hóa chính tả từ nước ngoài.

<i>Năm</i> <i>Các PT</i>	1957	1965	1975	1985	1995	2005
P.A.H-V	10,30%	4,32%	4,28%	4,47%	13,32%	17,42%
PC TT	64,50%	89,00%	93,00%	69,00%	38,80%	50,00%
Đề ND	24,15%	1,29%	0,28%	4,60%	41,80%	31,30%

(*Chú thích viết tắt*: PT = phương thức ; P.A.H-V = phiên âm Hán-Việt ; PCTT = phiên chuyển trực tiếp; đề ND = để nguyên dạng)

Quả là khó để *chuẩn hóa*, hay đúng hơn là chưa đi đến được cái chuẩn, nhưng các hình thức chính tả từ nước ngoài trên báo “Hà nội mới” lại cho thấy rằng, các từ nhập ngoại có xu hướng được tiêu chuẩn hóa về dạng thức. Có nghĩa là, để đạt tới hình thức chính tả nhất quán một cách tuyệt đối với các từ nước ngoài là không thể, nhưng rõ ràng chúng cần được tuân thủ theo một nguyên tắc xử lí nào đó mà xã hội chấp nhận được. Vấn đề sử dụng quan điểm nào (để nguyên dạng, phiên chuyển, dịch nghĩa...) để xử lí có xu hướng tăng, giảm luân phiên nhau ở từng giai đoạn.

2.2. Các hướng tiêu chuẩn hóa

2.2.1. Tiêu chuẩn hóa theo phiên chuyển

Về khái niệm *chuẩn hóa* (normalisation) và *tiêu chuẩn hóa* (standardisation) trong ngôn ngữ cũng cần phân biệt đôi chút. Trong thực tế, *tiêu chuẩn hóa* và *chuẩn hóa* có những ý nghĩa gần gũi. Nhưng *chuẩn hóa* nhấn mạnh hơn vào sự tồn tại của những thiết chế có tính chất điều tiết như các cơ quan nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ hay trường học... Còn *tiêu chuẩn hóa* lại mang tính áp đặt. Ngôn ngữ tiêu chuẩn bao giờ cũng hướng đến việc xóa bỏ những khoảng cách trong khi áp đặt một hình thức sử dụng duy nhất đối với tất cả các cách sử dụng khác. Lấy nguyên tắc phiên chuyển là một ví dụ. Vì chưa có quy định xử lí thống nhất với các từ nước ngoài, nên về mặt lí thuyết người ta có quyền áp dụng mọi phương án. Tuy nhiên, số liệu khảo sát trên báo tính theo mốc thời gian 10 năm một, từ 1957 cho thấy, chiếm tỉ lệ cao nhất trong số các phương án vẫn là phiên chuyển. Dưới đây là bảng thể hiện các tỉ lệ trong phương thức xử lí của 6 mốc thời điểm khảo sát.

Bảng 1. Tỉ lệ phần trăm xu thế xử lí được sử dụng trên báo

Nhìn chung, diện mạo chính tả từ nước ngoài ở báo “Hà nội mới” thể hiện khá đầy đủ các quan điểm: phiên âm qua Hán, dịch nghĩa, đến phiên chuyển trực tiếp từ các nguyên ngữ, rồi để nguyên dạng. Song, phiên âm qua tiếng Hán và dịch nghĩa gần như chỉ còn là hai phương thức mang dấu ấn lịch sử, biểu hiện sự quá độ trong quá trình sử dụng và kiểm nghiệm những phương thức cho việc nhập hệ của từ ngoại. Trên thực tế, phiên chuyển trực tiếp từ nguyên ngữ mới là phương thức được áp dụng rộng rãi hơn cả (xem *Bảng 1* ở trên). Bởi từ xưa đến nay, trong thế cạnh tranh với quan điểm để *nguyên dạng*, *phiên chuyển* vẫn là quan điểm được ưu tiên hàng đầu. Vì nó phù hợp với đặc điểm ngữ âm, chính tả tiếng Việt, nên phù hợp với khả năng phát âm của người Việt ở mọi trình độ.

Mặc dù trên thực tế không “chung thủy” với phương thức nào, nhưng phiên chuyển, và nhất là phiên chuyển ở dạng viết rời, có gạch nối gần như là một trong những biểu hiện phong cách mẫu mực của tờ báo “*Hà nội mới*”. Bởi vì, xét dưới góc độ kinh tế và khoa học, dấu nối là chỉ tạo ra sự rườm rà không cần thiết. Nhưng dưới góc độ tập tính và thói quen của người Việt thì dấu nối lại là yếu tố thể

hiện sự dứt khoát và rõ ràng ở các âm tiết, mà thói quen của người Việt là có nhu cầu đọc được tách bạch các âm tiết. Bảng so sánh 3 loại hình thái chính tả khi phiên chuyển sẽ cho thấy điều đó.

Bảng 2. So sánh tỉ lệ ba hình thái chính tả (htct) theo các mốc thời gian

Năm	1957	1965	1975	1985	1995	2005
Các hđct						
PÁ có (-)	96,70%	98,48%	97,40%	87,00%	85,00%	76,00%
PÁ không (-)	2,51%	1,29%	9,28	9,00%	6,50%	15,00%
Viết liền	0,68%	0,21%	0,00%	3,00%	8,50%	9,00%

Từ phương thức này, các từ nước ngoài đạt tới một hình thái chính tả tương đối đồng nhất về xu thế. Và cũng từ đó, người ta có cơ sở để tiêu chuẩn hóa chính tả của các từ nước ngoài. Cụ thể, khi phiên chuyển (nhất là lại lấy phiên âm làm chính) các từ nước ngoài thuộc các ngôn ngữ Ấn-Âu, mà trong cấu tạo âm tiết của chúng có các tổ hợp phụ âm (một trong những cản trở lớn đối với người Việt khi phát âm), trước đây, người ta thường âm tiết hóa các tổ hợp phụ âm này làm dễ cho người đọc, nhất là đối với những người không có trình độ, hay khả năng phát âm ngoại ngữ kém. Ví dụ: từ *Brésil* có tổ hợp phụ âm *br* sẽ được âm tiết hóa thành *Bờ-rê-din*. Hay *U-zbê-ki-xtan* là một từ gồm 2 tổ hợp phụ âm (*zb*), (*xt*). Để tránh phải phát âm hai tổ hợp phụ âm liền, người ta đã âm tiết hóa tổ hợp *zb* (*U-dơ-bê-ki-xtan*)...Tuy có làm cho người đọc phát âm được dễ dàng hơn, nhưng kiểu âm tiết hóa này lại làm mất đi tính thẩm mỹ trong phát âm. Cách phát âm như vậy là không chuẩn, trong quan niệm của xã hội, đó là biểu hiện của văn hóa thấp.

Bảng 3. Tỉ lệ trường hợp ÁTH THPÁ theo thời gian

Năm	1957	1965	1975	1985	1995	2005
Tỉ lệ THPÁ ÁTH	8,8%	13,2%	14,85%	0,77%	0,37%	0,61%

Thoạt nhìn, các con số tỉ lệ trên bảng có vẻ hơi mâu thuẫn, và lộn xộn. Nhưng, thực ra, chúng đã thể hiện khá rõ và lô gích về một quá trình thay đổi văn hóa-xã hội với tư cách là một biến phụ thuộc. Chúng có thể được lí giải không chỉ bằng những lí do văn hóa-xã

Có thể nói, âm tiết hóa chẳng qua chỉ là một giải pháp tình thế đáp ứng nhu cầu của mặt bằng văn hóa chung của xã hội ở một thời điểm nào đó, cho đến khi những người thực hiện giải pháp này có được những cảm nhận về sự thay đổi vượt trội về văn hóa của công chúng trong tiếp nhận và xử lí thông tin, và cho rằng đã đến lúc cần phải tiêu chuẩn hóa chính tả từ phiên chuyển ở mức cao hơn bằng cách chấp nhận các tổ hợp phụ âm vốn không có trong cấu trúc âm tiết tiếng Việt.

Các con số khảo sát phân loại số liệu những trường hợp từ được phiên chuyển ở ba dạng thức chính tả như đã nêu trên phản ánh phần nào tình hình phát triển dân trí ở thủ đô theo tiến trình thời gian rất rõ ràng. Phản ánh này biểu hiện ở chỗ, càng về sau, tỉ lệ các từ phiên chuyển được âm tiết hóa tổ hợp phụ âm có trong từ ngày một ít đi. Các con số đó tỉ lệ nghịch với mặt bằng dân trí của Hà Nội. Thực tế này có thể phản ánh qua bảng so sánh tỉ lệ xuất hiện kiểu phiên chuyển có âm tiết hóa (ÁTH) tổ hợp phụ âm (THPÁ) ở các mốc thời gian như sau:

hội, mà phải còn cả lí do tâm lí và thói quen nữa.

Là một tờ báo “địa phương”, “*Hà nội mới*” đương nhiên phải nói lên tiếng nói của người dân thủ đô. Ngôn ngữ được sử dụng trên báo, từ từ ngữ đến phong cách, cũng phải là thứ ngôn ngữ phù hợp với trình độ dân trí của nó ở

từng thời điểm. Dù là ở thủ đô, nhưng mặt bằng dân trí của Hà Nội những năm sau giải phóng (1954) có thể nói là chưa cao. Vậy thì lẽ ra tỉ lệ các từ nước ngoài trên báo được xử lý bằng việc âm tiết hóa tổ hợp phụ âm vào giai đoạn 1957 phải cao hơn những giai đoạn tiếp theo (1965, 1975) mới là hợp lý. Nó không như vậy bởi, lực lượng những người làm báo ở thời đoạn này bao gồm nhiều thành phần, trong đó có các nhà văn, nhà báo, rồi các nhà trí thức thuộc lớp người chịu ảnh hưởng của tây học khá sâu sắc, nên đã có được những khả năng văn hóa trong ngoại ngữ, và cũng từ đó tạo ý thức về thói quen nói, viết chuẩn các từ nước ngoài. Mặt khác, vào thời điểm mới ra đời, có lẽ vấn đề kỉ luật trong chính tả của tờ báo cũng chưa được chú ý đúng mức để nó thực sự phù hợp với trình độ của công chúng.

Sang đến giai đoạn của những năm 1965, 1975, Hà Nội đi vào thế ổn định về mặt chính trị, chính quyền từ lâu đã thuộc về nhân dân, đã có nền tảng vững vàng, chính vì vậy đã tạo ra được những kỉ cương trên nhiều phương diện để có thể lãnh đạo tốt quần chúng và chỉ đạo tốt công việc. Nằm trong tình hình chung ấy, tờ báo "*Hà nội mới*" cũng nâng cao nguyên tắc trong công tác nhằm phục vụ tốt cho những đối tượng độc giả là quần chúng nhân dân, mà phần lớn trong số họ là những người có trình độ văn hóa thấp. Có thể nói, kết quả của tỉ lệ phân trăm các trường hợp phiên chuyển có âm tiết hóa các tổ hợp phụ âm là một trong những hệ quả của việc nâng cao tính kỉ luật trong công tác làm báo nhằm tăng hiệu quả cho việc cập nhật thông tin, kiến thức của người dân thủ đô ở một thời.

2.2.2. Để nguyên dạng là một cách tiêu chuẩn hóa chính tả

Những khảo sát tư liệu ở báo cũng còn cho thấy, mặc dù phiên chuyển là quan điểm quán xuyến, nhưng bên cạnh đó, để nguyên dạng cũng chiếm một tỉ lệ đáng chú ý. Hình thức để nguyên dạng tồn tại và có những thời đoạn phát triển không phải do nhu cầu của xã hội, mà nhờ những cơ hội thích hợp cho nó ở từng giai đoạn. Chẳng hạn, ở thời điểm 1957, khá nhiều trường hợp từ ngữ thường dùng, tên người, thậm chí cả tên những ấn phẩm văn học, khoa học cũng được để nguyên dạng, như: *tube*, *pipe*, *crésyl*, *porte bagage*, *Honoré*

Daumier, *John Milton*, *peinture cellulosique*, "*Lénine tel qu'il fut*"... Tuy nhiên, những trường hợp để nguyên dạng như thế, thường chỉ thấy xuất hiện ở các mục "rao vặt", thông tin quảng cáo, thể thao, mà không mấy khi ở các bài viết có sức nặng chủ đạo của tờ báo. Như đã nói ở trên, việc xuất hiện tương đối nhiều các trường hợp nguyên dạng (mà chủ yếu là nguyên dạng của tiếng Pháp) là do có những người trong lực lượng làm báo chịu ảnh hưởng Tây học, có thói quen dùng tiếng Tây trong đời sống văn hóa của mình. Có lẽ những người làm báo này cũng có quan niệm rằng, để nguyên dạng, thứ nhất là cho tiện lợi đối với người làm báo, thứ nữa là còn đảm bảo tính chính xác của đối tượng được định danh. Đây chính là quan điểm của khá nhiều nhà khoa học, cũng như những người biết thông thạo ngoại ngữ hiện nay. Rồi còn kể đến những người không phải là người làm báo, nhưng họ đưa thông tin quảng cáo trên báo và có thói quen sử dụng tiếng Tây (một thói quen mang theo từ thời thuộc Pháp). Chính vì thế, những từ thường dùng như: *isolateur*, *vanille*, *cravate*, *pédale*... hay thậm chí cả các ngữ như: *simili cuir*, *sous harmoniques*, *roue libre*... cũng được để nguyên dạng bằng tiếng Pháp. Thực tế này phản ánh sự rơi rớt của quá khứ về ảnh hưởng văn hóa trong tiếp xúc Việt – Pháp, mà theo nhận định của một số học giả Việt Nam là rất "thành công".

Những quãng thời gian tiếp sau, tỉ lệ con số các trường hợp từ nước ngoài để nguyên dạng mà ta có thể hình dung biến thiên theo một đường dích dắc nhưng độ biến thiên không đều (xem ở *Bảng I*).

Như đã nói, hình thức để nguyên dạng các từ nước ngoài trên báo bị thu hẹp hay phát triển không phải do nhu cầu của xã hội. Nó phản ánh một tư tưởng tự phát ở những thời điểm thuận lợi (trường hợp ở thời điểm 1957 như đã phân tích ở trên). Nó cũng phản ánh một xu thế tất yếu trước những thay đổi và phát triển với tốc độ nhanh của văn hóa, xã hội, kinh tế.

Nếu như thời điểm 1957, sự xuất hiện của các từ nước ngoài (chủ yếu là tiếng Pháp) để nguyên dạng trên báo phản ánh sự rơi rớt của quá khứ ảnh hưởng văn hóa Pháp, thì ở thời đoạn 1995-2005, sự có mặt của các từ nước

ngoài mà chủ yếu là tiếng Anh lại phản ánh một thực tế mới về sự phát triển và hội nhập của Việt Nam ở thời kì “mở cửa”.

Ở góc độ nào đó, việc từ nước ngoài được để nguyên dạng ngày một tăng trên báo chí còn là sự ảnh hưởng cách tiếp nhận cuộc sống với nhịp điệu tăng dần khi sự hội nhập của đất nước ngày một trở nên nhanh hơn, mang tính nhập cuộc hơn. Các yếu tố ngoại, trong đó có ngôn ngữ cũng đi vào Việt Nam nhanh và đa dạng hơn. Việc cho phép nhập hệ các từ nước ngoài để nguyên dạng, một mặt phản ánh tốc độ làm việc của các nhà báo phù hợp với khối lượng công việc cứ ngày một tăng trước những diễn tiến của tiến quá trình hội nhập. Mặt khác, phải chăng đó cũng là một trong những biểu hiện về một thái độ cởi mở của Việt Nam trong quá trình hội nhập với thế giới (ít nhất là về mặt ngôn ngữ)? Bởi khi sử dụng từ nước ngoài để nguyên dạng, những người làm báo một mặt có tính đến những phản ứng đồng thuận của công chúng, mặt kia, chính theo chủ quan, họ cũng thấy được cái xu thế tất yếu về sự tiếp nhận mảng từ ngoại này. Một điều tương đối hữu ích mà có lẽ các nhà làm báo cũng tính đến là sự không nên quá câu nệ vào mục đích thông tin tuyên truyền của báo để làm mất đi cơ hội tự nâng cao trình độ dân trí của người dân. Vì lẽ, khác với lực lượng công chúng của mấy chục năm trước đây, công chúng của Việt Nam ngày nay đang sống trong thời đại của nền “kinh tế tri thức”. Vì thế, vấn đề đặt ra cho họ là phải biết tự nâng cao khả năng của mình để cập nhật thông tin trong đời sống.

III. Kết luận

Những khảo sát về hình thức chính tả từ nước ngoài trên báo “*Hà nội mới*” không mang lại những kết luận thực sự có liên quan đến vấn đề chuẩn hóa đối với mảng từ nước ngoài. Ngược lại, những kết quả khảo sát lại làm hiển lộ một hiện trạng mâu thuẫn giữa mong muốn tạo được cái *chuẩn* trong chính tả cho lớp từ nước ngoài khi đi vào tiếng Việt và ảnh hưởng của những tác nhân điều kiện là rào cản đối với công việc chuẩn hóa hình thức chính tả của chúng. Rào cản này chính là sự không thống nhất quan điểm về xử lí từ nước ngoài.

Mặt khác, chuẩn hóa trên cơ sở dựa vào chính âm, chính tả cũng không phải là điều kiện dễ thực thi. Bởi vì, ngoài sự chi phối của quy luật ngữ âm, phát âm còn là vấn đề mang tính cá nhân. Nó có thể khác nhau và bị thay đổi tùy theo mỗi cá nhân, thậm chí còn tùy thuộc ở thời điểm cũng như quan điểm phát âm của anh ta.

Điều đáng suy nghĩ hơn là ở chỗ, vì chuẩn không đồng nhất với đúng-sai, và con người có thể tác động lên sự hình thành thay đổi của nó, nên “*công tác chuẩn hóa ngôn ngữ không thể làm được tốt, nếu chỉ nghiên cứu xác định hoặc qui định những chuẩn cụ thể mà không, trước hết, làm sáng rõ những vấn đề quan điểm, làm tan những định kiến trong vấn đề ngôn ngữ, phổ biến những nhận thức đúng đắn, tạo ra một dư luận xã hội thuận lợi*”²

Tóm lại, công tác chuẩn hóa chỉ có thể thực hiện được trên cơ sở các quan điểm chưa nhất trí càng ngày càng phải dẫn đi tới sự đồng thuận về hướng giải quyết và được xã hội chấp nhận. Nếu không, chúng ta vẫn chỉ giẫm chân trong tình trạng bàn thảo, tranh luận.

Tài liệu tham khảo và trích dẫn

1. Phi Tuyết Hinh-Đặng Công Toại, *Về các hội nghị chuẩn hóa chính tả và thuật ngữ khoa học*, Ngôn ngữ số 3-4/1979.
2. Nguyễn Lân, *Tiêu chuẩn hóa và thống nhất thuật ngữ*, Ngôn ngữ số 3-4/1979.
3. Hoàng Phê, *Vấn đề cải tiến và chuẩn hóa chính tả*, Ngôn ngữ số 3-4/1979.
4. Hồ Hải Thụy, *Danh từ riêng nước ngoài*, Ngôn ngữ số 3-4/1979.
5. Bùi Khắc Việt, *Vấn đề dấu nổi trong chính tả*, Ngôn ngữ số 3-4/1979.
6. *Từ điển tiếng Việt* (Hoàng Phê chủ biên năm 2000).
7. *Dictionnaire de linguistique* (H. Librairie Larousse/1973).

(Ban Biên tập nhận bài ngày 16-03-2009)

² Hoàng Phê, *Chuẩn hoá tiếng Việt về mặt từ vựng*. Trong: “Hoàng Phê tuyển tập ngôn ngữ học”, Nxb Đà Nẵng, 2008.